

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 30 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngu;

2. Ông Trần Thế Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2017/TLST-HS, ngày 21 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST – HS ngày 15 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo: **Hoàng Văn T**, (Tên gọi khác: Hoàng Văn Th) sinh ngày 14 tháng 4 năm 1982.

Nơi đăng ký HKTT: xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên); nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L và bà Bé Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân theo lý lịch bị can: Năm 2001 đi bộ đội, năm 2003 xuất ngũ, chưa có vi phạm gì; bị bắt, tạm giam ngày 08/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Lương, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Văn D, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1964; chức vụ: Công an viên xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm P, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H (Có mặt), chị Long Thị T (Có mặt), anh Hoàng Văn B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 27/8/2017, Hoàng Văn T và vợ là chị Nguyễn Thị H (Sinh 1978, ĐKNKTT tại xóm T, xã H, huyện Đ, hiện đang trú tại: xóm P, xã P, huyện P) xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. T đã dùng tay đánh vào lưng, vào mặt chị H nên chị H đã đưa 03 con nhỏ về nhà nội tại xóm T, xã H, huyện Đ. Trên đường đi, chị H nhờ người báo cho Công an xã Phú Đô đến can thiệp giải quyết. Nhận được tin báo, Công an xã Phú Đô cử ông Trần Văn D (là Công an viên xóm Phú Nam 8) đến để xem xét tình hình vụ việc. Khoảng 19 giờ cùng ngày (27/8/2017), ông D (mặc quần là trang phục Công an xã, mặc áo sơ mi bình thường) đến nhà của T và H thì thấy T đang uống rượu ở nhà một mình. Ông D hỏi T về chuyện vợ chồng đánh nhau. T biết ông D là Công an viên của xóm, nhưng thách thức nói với ông D là: “*vợ con T, T cứ đánh, chẳng ai làm gì được,,*”, đồng thời T cầm con dao (dài 42cm, phần lưỡi dao dài 28cm, rộng 5,5cm) giơ lên dọa ông D. Ông D đẩy T ngồi xuống, T bỏ dao ra, ông D bị rơi chiếc điện thoại cúi xuống nhặt thì bị T lấy đoạn gậy tre (đường kính 8,5cm, dài 83 cm; trong đó phần đã bị bỏ $\frac{1}{2}$ dài 36cm) gần đó đánh một nhát vào cẳng tay trái của ông D. Ông D nói “*mày đánh gãy tay tao rồi,,* và đi bộ đến nhà ông Hoàng Văn B (sinh năm 1970, trú tại xóm Pháng 3, xã Phú Đô), nhờ ông Bằng đưa ra trạm y tế xã Phú Đô sơ cứu, sau đó đi điều trị tại Bệnh viện TW Thái Nguyên từ ngày 27/8/2017 đến ngày 06/9/2017 thì ra viện (BL69-79). Ngày 12/9/2017, ông D đã có đơn yêu cầu khởi tố T về hành vi gây thương tích cho ông (BL20).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 280 ngày 28/9/2017, Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Ông D bị đánh gãy 1/3 trên xương trụ và gãy 1/3 dưới xương trụ cẳng tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12% (BL32).

Quá trình điều tra T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình (BL81-105). CQĐT đã thu giữ các vật chứng gồm: 01 chiếc gậy tre có đường kính 8,5cm, dài 83 cm (trong đó phần đã bị bỏ $\frac{1}{2}$ dài 36cm); 01 con dao kim loại dài 42cm (trong đó phần lưỡi dao dài 28cm, rộng 5,5cm) (BL106). Về dân sự: Ông D yêu cầu T bồi thường các khoản Tật hại là 17.128.400đ (gồm: tiền viện phí, thuốc men, thu nhập bị mất trong 09 ngày nằm viện, tiền tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm...) nhưng T chưa bồi thường (BL46, 66-68, 97, 119).

Tại bản cáo trạng số 01/QĐ-VKS, ngày 20/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, đề nghị áp dụng: Khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc T hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Hoàng Văn T từ 30 đến 36 tháng tù giam.

Về dân sự: Bị cáo chưa bồi thường cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu được bồi thường theo quy định của pháp luật, do đó đề nghị HĐXX áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 590 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 tịch thu tiêu hủy chiếc gậy và con dao kim loại của bị cáo dùng gây án.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật sung công quỹ Nhà nước.

Ý kiến của bị cáo: Nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến tranh luận gì.

Ý kiến người bị hại: Nhất trí bản luận tội, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, Biên bản khám nghiệm hiện trường, hồ sơ bệnh án, kết luận giám định, lời khai của người bị hại, những người làm chứng... đã đủ cơ sở để xác định như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 27/8/2017, ông Hoàng Văn D (Công an viên xã Phú Đô) được cử đến nhà Hoàng Văn T ở xóm P, xã P, huyện P để giải quyết việc T đánh vợ là chị Nguyễn Thị H. T biết ông D là Công an xã, nhưng vẫn thách thức và dùng hung khí (01 gậy tre đường kính 8,5cm, dài 83 cm) đánh vào cẳng tay trái của ông D gây thương tích cho ông D với tỷ lệ thương tật là 12%.

Như vậy, hành vi dùng gậy là hung khí nguy hiểm của Hoàng Văn T gây thương tích cho ông D làm tổn hại 12% sức khỏe đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Nội dung của Điều 104 Bộ Luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

a) Dùng hung khí nguy hiểm.

...

k) Để cản trở người T hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình

an ninh, trật tự của địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; Ngoài ra, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, là người dân tộc Tày, trình độ học vấn thấp, đã có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm 2001 đến 2003, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc T hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 của Quốc Hội tại điểm h khoản 2 Điều 2 có quy định: “Thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015...”

Tại khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “Điều luật... quy định một hình phạt nhẹ hơn... và quy định khác có lợi cho người phạm tội, thì được áp dụng đối với hành vi phạm tội đó thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực T hành”.

Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về tội “Cố ý gây thương tích” có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm. Như vậy, tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cao nhất là 06 năm tù, nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại khoản 2 điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 cao nhất là 7 năm tù. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo Hoàng Văn T.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy cần thiết phải xử bị cáo Hoàng Văn T một mức án tù từ 30 đến 36 tháng và buộc cách ly xã hội mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Do bị cáo đang bị tạm giam, để đảm bảo việc T hành án, cần áp dụng Điều 329 Bộ luật TTHS năm 2015 tiếp tục tạm giam bị cáo theo quy định.

- Về những vấn đề khác:

Về phần dân sự: Đến thời điểm xét xử vụ án, bị cáo và gia đình chưa bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại. Quá trình điều tra bị hại đã có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Do các bên không thỏa thuận được mức bồi thường nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những thiệt hại thực tế, áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự để ấn định giá trị thiệt hại như sau:

1. Tiền thuốc và chi phí điều trị theo hóa đơn: 11.003.000 đồng (đã làm tròn);

2. Thu nhập thực tế bị mất: Điều trị 11 ngày nội trú; công cho một người phục vụ 11 ngày. Tổng là 22 công bị mất thu nhập, người bị hại có thu nhập làm nông nghiệp, mức thu nhập trung bình 200.000 đồng/ một ngày công. Như vậy thiệt hại do thu nhập bị mất là 22 ngày công x 200.000 đồng = 4.400.000 đồng; tại phiên tòa người bị hại xác định sau khi phẫu thuật 8 tháng sẽ phải mổ lại để tháo đinh, trong thời gian bó bột, chờ tháo đinh thu nhập thực tế có bị giảm sút nhưng không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản này, do vậy HĐXX không ấn định phần Tệt hại này.

3. Tổn thất tinh thần: Khoản 2 Điều 590 của Bộ luật dân sự có quy định: *“...Mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”*. Như vậy, với việc bị tổn hại 12% sức khỏe tương đương 6 tháng lương cơ sở. Theo quy định tại Nghị quyết 27/2016/QH14 ngày 11/11/2016 một tháng lương cơ sở là 1.300.000 đồng. Tổn thất tinh thần tương ứng số tiền là: 6 tháng x 1.300.000 đồng = 7.800.000 đồng;

Tổng thiệt hại 03 khoản là: (11.003.000 đồng + 4.400.000 đồng + 7.800.000 đồng) = **23.203.000 đồng**.

Lỗi gây ra thiệt hại hoàn toàn do phía bị cáo thực hiện, do đó cần chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của người bị hại là ông Trần Văn D đối với bị cáo, buộc bị cáo Hoàng Văn T bồi thường cho ông D toàn bộ thiệt hại đã được ấn định như trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vật chứng: vật chứng gồm: 01 chiếc gậy tre và 01 con dao kim loại bị cáo dùng để uy hiếp và gây án đối với người bị hại cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Trong vụ án này, bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí DSST theo giá ngạch là 1.160.150 đồng sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Thông báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; các Điều 30, 106, 136, 329, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 590, 596 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn T (Tên gọi khác: Hoàng Văn Th) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Về hình phạt: Xử phạt Hoàng Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (08/11/2017). Tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Văn T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn T bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại là ông Trần Văn D số tiền 23.203.000 đồng (*Hai mươi ba triệu hai trăm linh ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc gậy tre có đường kính 8,5cm, dài 83 cm (trong đó phần đã bị bở $\frac{1}{2}$ dài 36cm); 01 con dao kim loại dài 42cm (trong đó phần lưỡi dao dài 28cm, rộng 5,5cm).

(Tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án huyện Phú Lương).

4. Án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.160.150 đồng (*Một triệu ba trăm bốn mươi nghìn một trăm năm mươi đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo (Hoàng Văn T), người bị hại (Ông Trần Văn D) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- THADS + THAHS;
- CA huyện Phú Lương;
- Những người tham gia TT;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Tất Thắng